

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **427/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/8/2019

V/v tranh chấp “không công nhận vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Quốc Thuần**;

2. Ông **Trương Hoàng Hoa**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 320/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2019/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Thị A**, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã F, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Phạm Thị A trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B tự nguyện cưới nhau năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn do vợ chồng không hiểu biết. Quá trình chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B là người không chung thủy, có quan hệ với người khác. Chị đã nhiều lần tìm cách để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh B không thay đổi và mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng nên chị và anh B đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh B nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 08/12/2010 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 03/12/2011. Hiện chị A đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu

được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh B cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

*Tại phiên hòa giải anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh thống nhất với chị A về thời gian cưới nhau và không đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn thì không như chị Á trình bày mà do chị A ghen vô cớ rồi tự ý về nhà cha mẹ ruột, anh và chị A đã ly thân 08 năm nên anh thống nhất ly hôn với chị A.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 08/12/2010 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 03/12/2011. Hiện chị Á đang nuôi dưỡng, anh đồng ý giao 02 con cho chị A nuôi con, anh B yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

* **Tại phiên tòa**, Chị A vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị và anh B được ly hôn. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 08/12/2010 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 03/12/2011. Hiện chị A đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo pháp luật qui định.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

Anh Nguyễn Văn B đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị A. Về con chung có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 08/12/2010 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 03/12/2011, anh đồng ý giao 02 con cho chị A nuôi dưỡng, anh B cấp dưỡng 1.600.000 đồng/tháng/nuôi 02 con chung. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Phạm Thị A về việc tranh chấp “không công nhận quan hệ vợ chồng” với anh Nguyễn Văn B có hộ khẩu thường trú tại ấp G, xã H, huyện N, tỉnh Tiền Giang thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh B chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình anh chị chung sống với nhau không có nhiều hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên anh chị đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay anh chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn với nhau nên chị A, anh B đồng ý thuận tình ly hôn. Xét thấy,

chị A và anh B từ lúc ly thân đến nay không ai có biện pháp nào khắc phục để cả hai hàn gắn tình cảm nên mục đích hôn nhân không đạt được và anh chị thật sự tự nguyện ly hôn. Tuy nhiên chị A và anh B chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử không công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị. Theo qui định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh B.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 08/12/2010 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 03/12/2011. Hiện chị A đang nuôi dưỡng, mặc khác 02 cháu cũng có nguyện vọng sống với chị A. Do đó, để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của các cháu nên cần tiếp tục giao 02 con cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị A và anh B đồng ý thỏa thuận anh B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 800.000 đồng/01 con chung x 2 con chung thành tiền là 1.600.000 đồng/tháng. Sự thỏa thuận này phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi và lao động được.

[4] Về tài sản chung: Anh chị trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh chị trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 16, Điều 69, Điều 70 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị A.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị A và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng.

2/ Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 08/12/2010 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 03/12/2011. Tiếp tục giao 02 con chung cho chị A chăm sóc nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh B cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.600.000 đồng nuôi 02 con chung. Bắt đầu cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Nguyễn Văn B được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí: chị Phạm Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002616 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Tiền Giang nên chị A đã thi hành xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-TAND Tỉnh TG;

-VKSNDHCG-TG

-Chi cục THADSHCG;

-Những người tham gia tố tụng;

-Lưu.

Nguyễn Thị Ánh Hồng